

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình  
giữa chị V với anh V1

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Tư Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Diêm Đăng Hoạt;

Ông Giáp Hồng Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

**- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2021/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2022 giữa:

\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc L - Luật sư, Văn phòng Luật sư L và cộng sự, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang. (có mặt).

\* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 27/02/2022 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn V1 kết hôn ngày 23/12/2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về làm dâu tại gia đình h anh V1 ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, quan điểm trong làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn thì hai bên gia đình có hòa giải, động viên nhưng không thành. Vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn V1.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được 03 con chung là Nguyễn Bảo Q - sinh ngày 15/01/2007, Nguyễn Văn B - sinh ngày 28/3/2009; Nguyễn Hải Đ - sinh ngày 28/9/2021, hiện các con chung đang được chị và anh V1 cùng nuôi dưỡng. Ly hôn, chị nhận nuôi các con Nguyễn Văn B và Nguyễn Hải Đ, để anh V1 nuôi dưỡng con Nguyễn Bảo Q. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị V có mặt và giữ nguyên yêu cầu trên.

\* Đối với anh Nguyễn Văn V1 là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V1 không trình bày ý kiến, quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và anh V1 vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, hòa giải mà không có lý do.

Tại phiên tòa, anh V1 vắng mặt.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V với anh V1 đã trầm trọng. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh V1. Về con chung: Chị V và anh V1 có 03 con chung, trong đó cháu Nguyễn Hải Đ chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu Nguyễn Văn B có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Nguyễn Bảo Q có nguyện vọng được ở với bố nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn V1.

Về con chung: Giao cho chị V nuôi con Nguyễn Văn B và con Nguyễn Hải Đ, giao cho anh V1 nuôi con Nguyễn Bảo Q. Chị V, anh V1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Án phí sơ thẩm: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Văn V1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V kết hôn với anh Nguyễn Văn V1 ngày 23/12/2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn.

Như vậy, việc kết hôn giữa chị V với anh V1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị V về gia đình anh V1 làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng, vợ chồng tuy sống chung cùng nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị xin được ly hôn với anh V1. Anh V1 đã nhận được thông báo của Tòa án về phiên hòa giải nhưng anh V1 không đồng ý đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ, như vậy có thể thấy khi vợ chồng chị V, anh V1 xảy ra mâu thuẫn, anh V1 không có các biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy, cuộc sống chung của chị V với anh V1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị V được ly hôn với anh V1 là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị V, anh V1 có 03 con chung là: Nguyễn Bảo Q - sinh ngày 15/01/2007, Nguyễn Văn B - sinh ngày 28/3/2009, Nguyễn Hải Đ - sinh ngày 28/9/2021, hiện các con đang được chị V, anh V1 nuôi dưỡng. Nay chị V nhận nuôi các con Bảo và Đăng để anh Van nuôi con Quân. Hội đồng xét xử thấy: Chị V, anh V1 đều đủ điều kiện để nuôi con, cháu B và cháu Q đã trên 07 tuổi, cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Q có nguyện vọng được ở với bố, còn cháu Đ chưa đủ 36 tháng tuổi. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và tránh làm xáo trộn cuộc sống của con khi giải quyết ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Văn B, Nguyễn Hải Đ, giao cho anh V1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo Q là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH147 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn V1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn B - sinh ngày 28/3/2009 và Nguyễn Hải Đ - sinh ngày 28/9/2021. Giao cho anh Nguyễn Văn V1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo Q - sinh ngày 15/01/2007. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn chị V, anh V1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai số 0011543 ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã An Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Tư Duy**